

Số: 80/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 15 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2023/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Lương Thị Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Bản Tả Xin C, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

- Anh Lù Văn Đ, sinh năm 1997

Địa chỉ: Bản Tả Xin C, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 05/10/2017 của UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh L. Đến nay chị Đ và anh Đ đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ.

- Về việc nuôi con: chị Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ có 01 con chung tên là Lù Thị N, sinh ngày 04/01/2018. Chị Đ và anh Đ thỏa thuận như sau:

Chị Lương Thị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lù Thị N đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Lù Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/10/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về lỗi chậm thi hành án, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đ chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Lù Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: **chị** Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ **tự thỏa thuận** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: **chị** Lương Thị Đ và anh Lù Văn Đ **thỏa thuận chị Đ là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng** nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Lương Thị Đ đã nộp đủ số tiền lệ phí **việc Hôn nhân và gia đình** sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001694 ngày 16/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Đ,
- TP L, tỉnh L;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga